

TỔNG HỢP NỘI DUNG THÔNG TƯ 68/2019/TT-BTC

Bộ Tài chính vừa ban hành Thông tư 68/2019/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 119/2018/NĐ-CP về hóa đơn điện tử. Dưới đây là một số nội dung chính được nêu trong thông tư:

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG TRONG NGHỊ ĐỊNH	NỘI DUNG THAY ĐỔI
1	Điểm a khoản 1 Điều 3. Nội dung của hóa đơn điện tử	<p>a.2) Ký hiệu mẫu số hóa đơn</p> <p>Ký hiệu mẫu số hóa đơn là ký tự có một chữ số tự nhiên là các số tự nhiên 1, 2, 3, 4 để phản ánh loại hóa đơn như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Số 1: Phản ánh loại Hóa đơn giá trị gia tăng.- Số 2: Phản ánh loại Hóa đơn bán hàng.- Số 3: Phản ánh loại Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử.- Số 4: Phản ánh các loại hóa đơn khác là tem điện tử, vé điện tử, thẻ điện tử, phiếu thu điện tử hoặc các chứng từ điện tử có tên gọi khác nhưng có nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều này.	<p>- Ký hiệu mẫu số hóa đơn theo thông tư 32/2011/TT-BTC đang bao gồm 10 ký tự: 01GTKT/001, 02GTTT/002...</p> <p>=> Thay đổi về mẫu số hóa đơn.</p> <p>Ví dụ: Từ “01GTKT/001” => “1”</p>

2	<p>Điểm a khoản 1 Điều 3. Nội dung của hóa đơn điện tử</p>	<p>a.3) Ký hiệu hóa đơn</p> <p>Ký hiệu hóa đơn là nhóm 6 ký tự gồm cả chữ viết và chữ số thể hiện ký hiệu hóa đơn để phản ánh các thông tin về loại hóa đơn có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn không mã, năm lập hóa đơn, loại hóa đơn điện tử được sử dụng. Sáu (06) ký tự này được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ký tự đầu tiên là một (01) chữ cái được quy định là C hoặc K để thể hiện hóa đơn điện tử loại có mã của cơ quan thuế hoặc loại không có mã của cơ quan thuế trong đó: C thể hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, K thể hiện hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế. - Hai ký tự tiếp theo là 2 chữ số Ả rập thể hiện năm lập hóa đơn điện tử được xác định theo 2 chữ số cuối của năm dương lịch. Ví dụ: Năm lập hóa đơn điện tử là năm 2019 thì thể hiện là số 19; năm lập hóa đơn điện tử là năm 2021 thì thể hiện là số 21. - Một ký tự tiếp theo là một (01) chữ cái được quy định là T hoặc D hoặc L hoặc M thể hiện loại hóa đơn điện tử được sử dụng, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Chữ T: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử do các doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng với cơ quan thuế. + Chữ D: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử đặc thù không nhất thiết phải có một số tiêu thức do các doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng. + Chữ L: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh. + Chữ M: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền. - Hai ký tự cuối là chữ viết do người bán tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý, trường hợp không có nhu cầu quản lý thì để là YY. - Tại bản thể hiện, ký hiệu hóa đơn và 	<p>- Ký hiệu hóa đơn theo thông tư 32/2011/TT-BTC đang bao gồm 6 ký tự: AA/19E, AB/19E...</p> <p>=> Cần thay đổi lại format theo thông tư là gồm 7 ký tự.</p> <p>Ví dụ: Ký hiệu hóa đơn theo thông tư mới Từ “AA/21E” => “1C21TAA”</p>
---	--	---	---

	<p>ký hiệu mẫu số hóa đơn được thể hiện ở phía trên bên phải của hóa đơn (hoặc ở vị trí dễ nhận biết).</p> <p>- Ví dụ thể hiện các ký tự của ký hiệu mẫu hóa đơn và ký hiệu hóa đơn:</p> <p>+ “1C21TAA” – là hóa đơn giá trị gia tăng có mã của cơ quan thuế được lập năm 2021 và là hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức, hộ cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng với cơ quan thuế.</p> <p>+ “2C21TBB” – là hóa đơn bán hàng có mã của cơ quan thuế được lập năm 2021 và là hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức, hộ cá nhân kinh doanh ký sử dụng với cơ quan thuế.</p> <p>+ “1C22LBB” – là hóa đơn giá trị gia tăng có mã của cơ quan thuế được lập năm 2022 và là hóa đơn điện tử của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh.</p> <p>+ “1K22TYT” – là hóa đơn giá trị gia tăng loại không có mã của cơ quan thuế được lập năm 2022 và là hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng với cơ quan thuế.</p> <p>+ “1K22DAA” – là hóa đơn giá trị gia tăng loại không có mã của cơ quan thuế được lập năm 2022 và là hóa đơn điện tử đặc th không nhất thiết phải có một số tiêu thức bắt buộc do các doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng.</p> <p>+ “3K22TAB” – là phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử loại không có mã của cơ quan thuế được lập năm 2022 và là chứng từ điện tử có nội dung của hóa đơn điện tử do doanh nghiệp đăng ký với cơ quan thuế</p>	
--	---	--

3	Điểm a khoản 1 Điều 3. Nội dung của hóa đơn điện tử	<p>a.4) Số hóa đơn</p> <p>- Số hóa đơn là số thứ tự được thể hiện trên hóa đơn khi người bán lập hóa đơn. Số hóa đơn được ghi bằng chữ số Ả-rập có tối đa 8 chữ số, bắt đầu từ số 1 vào ngày 01/01 hoặc ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm có tối đa đến số 99 999 999. Hóa đơn được lập theo thứ tự liên tục từ số nhỏ đến số lớn trong cùng một ký hiệu hóa đơn và ký hiệu mẫu số hóa đơn.</p> <p>- Trường hợp số hóa đơn không được lập theo nguyên tắc nêu trên thì hệ thống lập hóa đơn điện tử phải đảm bảo nguyên tắc tăng theo thời gian, mỗi số hóa đơn đảm bảo chỉ được lập, sử dụng một lần duy nhất và tối đa 8 chữ số.</p>	<p>- Số hóa đơn theo thông tư 32/2011/TT-BTC đang bao gồm 7 chữ số: 0000001, 0000002... => Cần thay đổi lại số ký tự theo thông tư là gồm tối đa 8 chữ số.</p> <p>Ví dụ: Thay đổi 0000001 => 1 Và số hóa đơn lớn nhất sẽ là 99999999</p>
4	Khoản 1 Điều 5. Định dạng hóa đơn điện tử	1. Định dạng hóa đơn điện tử là tiêu chuẩn kỹ thuật quy định kiểu dữ liệu, chiều dài dữ liệu của các trường thông tin phục vụ truyền nhận, lưu trữ và hiển thị hóa đơn điện tử. Định dạng hóa đơn điện tử sử dụng ngôn ngữ định dạng văn bản XML (XML là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "eXtensible Markup Language" được tạo ra với mục đích chia sẻ dữ liệu điện tử giữa các hệ thống công nghệ thông tin).	Tổng cục thuế đã quy định định dạng chính thức của hóa đơn điện tử là XML
5	Khoản 5 Điều 5. Định dạng hóa đơn điện tử	Cơ sở nhận uỷ thác xuất khẩu sử dụng hóa đơn điện tử giá trị gia tăng hoặc hóa đơn điện tử bán hàng để xuất cho khách hàng nước ngoài	
6	Điều 13. Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế	1. Việc đăng ký sử dụng hoá đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP.	Nộp biểu mẫu 01 theo nghị định 119/2018/NĐ-CP khi doanh nghiệp phát hành hóa đơn điện tử

7	Điều 16. Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế	<p>a) Phương thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử (theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này) cùng thời hạn nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với các trường hợp sau:...</p> <p>.....</p> <p>Người bán lập Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong tháng/quý (tính từ ngày đầu của tháng, quý đến ngày cuối cùng của tháng, quý) theo Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này để gửi cơ quan thuế cùng với thời gian gửi Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp phát sinh số lượng hóa đơn lớn thì người bán lập nhiều bảng tổng hợp dữ liệu, trên mỗi bảng thể hiện số thứ tự của bảng tổng hợp trong kỳ tổng hợp dữ liệu. - Sau thời hạn chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế, người bán gửi bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử bổ sung trong trường hợp gửi thiếu dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế. - Trường hợp bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn đã gửi cơ quan thuế có sai sót thì người bán gửi thông tin điều chỉnh cho các thông tin đã kê khai trên bảng tổng hợp 	Về quy định chuyển dữ liệu Tổng cục Thuế chưa có hướng dẫn cụ thể, khi TCT có hướng dẫn Viettel cam kết sẽ đáp ứng đúng theo quy định nêu tại thông tư.
8	Điều 16. Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế	<p>a) Hình thức gửi trực tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng cục Thuế lựa chọn các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn số lượng lớn, có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu về định dạng chuẩn dữ liệu và quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này, có nhu cầu chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế để thông báo về việc kết nối kỹ thuật để chuyển dữ liệu hóa đơn. <p>.....</p>	Khi có lỗi truyền dữ liệu lên TCT cần lên Cổng thông tin điện tử của TCT để theo dõi thông tin

		<p>4. Trường hợp Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gặp lỗi kỹ thuật chưa tiếp nhận được dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã, Tổng cục Thuế có trách nhiệm thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Trong thời gian này tổ chức, doanh nghiệp nêu tại điểm a khoản 3 Điều này và tổ chức cung cấp dịch vụ hoá đơn điện tử tạm thời chưa chuyển dữ liệu hóa đơn không có mã đến cơ quan thuế.</p> <p>Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày Tổng cục Thuế có thông báo Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoạt động trở lại bình thường, tổ chức, doanh nghiệp nêu tại điểm a khoản 3 Điều này và tổ chức cung cấp dịch vụ hoá đơn điện tử chuyển dữ liệu hoá đơn đến cơ quan thuế. Việc gửi dữ liệu hóa đơn điện tử sau khi có thông báo Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gặp lỗi kỹ thuật không được xác định là hành vi chậm gửi dữ liệu hóa đơn điện tử</p>	
9	Điều 17. Xử lý đối với hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập	<p>b) Trường hợp có sai về mã số thuế, về số tiền ghi trên hóa đơn, sai về thuế suất, tiền thuế hoặc hàng hoá không đúng quy cách, chất lượng thì người bán và người mua lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, người bán lập hóa đơn điện tử mới thay thế cho hóa đơn điện tử đã lập có sai sót. Hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập có sai sót phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn ký hiệu mẫu số, ký hiệu hóa đơn...số hóa đơn..., ngày... tháng... năm”. Người bán ký số, ký điện tử trên hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập có sai sót sau đó người bán gửi cho người mua. Trường hợp dữ liệu hóa đơn điện tử có sai sót đã gửi cơ quan thuế thì người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP) và gửi dữ</p>	<p>- Trường hợp hóa đơn chưa gửi cho cơ quan thuế thì tiến hành xử lý như luồng lập hóa đơn thay thế hiện tại</p> <p>- Trường hợp đã gửi cơ quan thuế thì người bán phải thông báo với cơ quan thuế theo mẫu 04 và gửi dữ liệu hóa đơn mới cho cơ quan thuế</p>

		liệu hóa đơn điện tử mới theo phương thức và thời gian nêu tại Điều 16 Thông tư này.	
10	Điều 17. Xử lý đối với hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập	2. Trường hợp sau khi nhận dữ liệu hóa đơn điện tử, cơ quan thuế phát hiện hóa đơn điện tử đã lập có sai sót thì cơ quan thuế thông báo cho người bán theo Mẫu số 05 (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP) để người bán kiểm tra sai sót. Trong thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế, người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP) về việc hủy hóa đơn (nếu có). Nếu người bán thông báo hủy hóa đơn điện tử đã lập thì người bán lập hóa đơn điện tử mới để gửi người mua và gửi lại dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế. Nếu người bán không thông báo với cơ quan thuế thì cơ quan thuế tiếp tục thông báo cho người bán về sai sót của hóa đơn đã lập để người bán thực hiện điều chỉnh hoặc hủy hóa đơn	
11	Điều 25. Trình tự ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử	<p>Việc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử giữa Tổng cục Thuế và tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>-----</p> <p>Khoản 3 Điều 32 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP của Chính phủ:</p> <p>3. Trình tự ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và dịch vụ truyền, nhận dữ liệu hóa đơn</p> <p>a) Tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin đáp ứng đầy đủ</p>	Các khách hàng cần lưu ý khi mua hóa đơn điện tử, chỉ mua của các nhà cung cấp được TCT kí hợp đồng, đạt các tiêu chí trong Điều 32 Nghị định 119/2018/NĐ-CP

		<p>các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này gửi văn bản đề nghị ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử kèm theo Đề án cung cấp dịch vụ trong đó thể hiện nội dung đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này đến Tổng cục Thuế gửi bản giấy hoặc bản điện tử;</p> <p>b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện kết nối thành công với Tổng cục Thuế, Tổng cục Thuế thực hiện ký kết hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.</p>	
12	Điều 26. Hiệu lực thi hành	<p>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2019.</p> <p>2. Từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến ngày 31 tháng 10 năm 2020, các văn bản của Bộ Tài chính ban hành sau đây vẫn có hiệu lực thi hành:</p> <p>a) Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 03 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hoá đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;</p> <p>b) Thông tư số 191/2010/TT-BTC ngày 01 tháng 12 năm 2010 hướng dẫn việc quản lý, sử dụng hóa đơn vận tải;</p> <p>c) Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính);</p> <p>....</p>	<p>Vậy doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử theo thông tư số 32/2011/TT-BTC sau thời gian ngày 14 tháng 11 năm 2019 vẫn đúng quy định</p>

13	Điều 26. Hiệu lực thi hành	3. Từ ngày 01 tháng 11 năm 2020, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh phải thực hiện đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử theo hướng dẫn tại Thông tư này	Đến ngày 01/11/2020, Thông tư 32/2011/TT-BTC sẽ không còn hiệu lực, toàn bộ các doanh nghiệp phải chuyển sang HDDT đáp ứng thông tư 68/2019/TT-BTC
14	Điều 27. Xử lý chuyển tiếp	3. Kể từ thời điểm doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Thông tư này nếu phát hiện hóa đơn đã lập theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính mà có sai sót thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP và lập hóa đơn hóa đơn điện tử mới (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã) thay thế cho hóa đơn đã lập có sai sót. Hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập có sai sót phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”. Người bán ký số, ký điện tử trên hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn đã lập (theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính) có sai sót, sau đó người bán gửi cơ quan thuế để được cấp mã cho hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).	